

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Toàn.

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thanh T, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Th1, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2020 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thanh T trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2018 bà (Trần Thanh T) và ông Nguyễn Hoàng Th1 chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C vào ngày 01/4/2019. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên sau quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn

mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà và ông Nguyễn Hoàng Th1 không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Th1. Về con chung có 01 người tên là Nguyễn Trần P (giới tính nam) sinh ngày 08/11/2019. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Th1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/02/2020, bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Th1 trình bày:

Về thời gian chung sống, việc có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mâu thuẫn, thời gian không còn sống chung đúng như bà Trần Thanh T trình bày. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thanh T. Về con chung có 01 người đúng như bà Trần Thanh T đã khai, ông đồng ý giao con chung cho bà Trần Thanh T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc đi lại gặp nhiều khó khăn nên ông yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện chính quyền địa phương xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xác định: Bà Trần Thanh T với ông Nguyễn Hoàng Th1 không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Trần Thanh T ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Th1. Về con chung ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự là giao con chung cho bà Trần Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Nguyễn Hoàng Th1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí bà Trần Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Trần Thanh T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Hoàng Th1 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Hoàng Th1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hoàng Th1.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Trần Thanh T và ông Nguyễn Hoàng Th1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C, được chứng nhận kết hôn vào ngày 01/4/2019. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Trần Thanh T và ông Nguyễn Hoàng Th1 được công nhận là hôn nhân hợp

pháp. Quá trình chung sống, bà Trần Thanh T xác định vợ chồng thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà Trần Thanh T và ông Nguyễn Hoàng Th1 không còn sống chung với nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay, hiện không thể hàn gắn và tiếp tục cuộc sống chung. Bà Trần Thanh T nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Th1. Ông Nguyễn Hoàng Th1 có ý kiến bằng văn bản thống nhất với phần trình bày của bà Trần Thanh T, ông Nguyễn Hoàng Th1 đồng ý ly hôn, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thanh T và ông Nguyễn Hoàng Th1 đã và đang trầm trọng, bà Trần Thanh T cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà Trần Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Th1 là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà Trần Thanh T và ông Nguyễn Hoàng Th1 thống nhất xác định cả hai có với nhau 01 người con chung tên là Nguyễn Trần P (giới tính nam) sinh ngày 08/11/2019. Hiện tại con chung đang do bà Trần Thanh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai thống nhất thỏa thuận là giao một người con chung cho bà Trần Thanh T tiếp tục nuôi, ông Nguyễn Hoàng Th1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa bà Trần Thanh T và ông Nguyễn Hoàng Th1 là không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời hiện tại con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nguyên tắc phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nên sự thỏa thuận trên xét thấy là phù hợp nên có căn cứ để ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trần Thanh T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thanh T ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Th1.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Trần Thanh T và ông Nguyễn Hoàng Th1 cụ thể như sau: Giao Nguyễn Trần P (giới tính nam) sinh ngày 08/11/2019 cho bà Trần Thanh T chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Nguyễn Trần P thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Nguyễn Hoàng Th1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thanh T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Th1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hoàng Th1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Trần Thanh T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019915, ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã P, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước